

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	40	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	3
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	14.463,63	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	11.869	22,6
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	990	1,9
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	648	1,2
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	252	0,48
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	882	1,7
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	91	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	200	



VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	18	01
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	17	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	22	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		24		336/560	

Núi Đèo, ngày 01 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lý

**CÔNG KHAI THÔNG TIN
VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
Năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	63		2	43	2	11	5		14	32	45	1		
I	Giáo viên	43			41	2				14	29	42	1		
1	Nhà trẻ				15					4	11	14	1		
2	Mẫu giáo				26	2				10	18	28			
II	Cán bộ quản lý	3		2	1						3	3			
1	Hiệu trưởng				1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng				2						2	2			
III	Nhân viên	17													
1	NV văn thư				1										
2	NV kế toán						1								
3	Nhân viên y tế														
4	NV BV, LC							5							
5	Cô nuôi						10								

Núi Đèo, ngày 01 tháng 6 năm 2022

TRƯỜNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Lý

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. Trẻ đạt cân nặng và chiều cao theo quy định của độ tuổi: + Trẻ phát triển tốt theo độ tuổi: 99% + Trẻ thừa cân so với độ tuổi: 1% + Trẻ nhẹ cân, thấp còi giảm còn : 1%. - Phần đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi so với đầu năm học và khống chế tỷ lệ trẻ có cân nặng cao hơn độ tuổi. - 99% trẻ thực hành thao tác vệ sinh theo hướng dẫn của cô. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới. Trẻ đạt cân nặng và chiều cao theo quy định của độ tuổi: + Trẻ phát triển tốt theo độ tuổi: 94.7% + Trẻ thừa cân so với độ tuổi: 4% + Trẻ nhẹ cân, thấp còi giảm còn: 1.3 % - Phần đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi so với đầu năm học và khống chế tỷ lệ trẻ có cân nặng cao hơn độ tuổi . - 98% trẻ có các kỹ năng vệ sinh cá nhân và tự bảo vệ sức khỏe bản thân.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo thực hiện có chất lượng Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo thực hiện có chất lượng Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016.



III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Đạt yêu cầu theo từng lĩnh vực phát triển: + Lĩnh vực PTTC: 99% + Lĩnh vực PTNN: 94% + Lĩnh vực PTTC - TM: 96% + Lĩnh vực PTNT: 94%	- Đạt yêu cầu theo từng lĩnh vực phát triển: + Lĩnh vực PTTC: 99.5% + Lĩnh vực PTNN: 99.5% + Lĩnh vực PTTM: 99% + Lĩnh vực PTNT: 99.5% + Lĩnh vực PTTC-XH: 99.5%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	+ Chương trình Can thiệp sớm cho trẻ có nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt. + Chương trình cho trẻ LQ tiếng Anh. + Chương trình tìm kiếm phát triển năng khiếu của trẻ về: Mỹ thuật, âm nhạc, múa	+ Chương trình cho trẻ LQ tiếng Anh. + Chương trình Can thiệp sớm cho trẻ có nhu cầu hỗ trợ giáo dục đặc biệt. + Chương trình tìm kiếm phát triển năng khiếu của trẻ về: Mỹ thuật, âm nhạc, múa

Núi Đèo, ngày 01 tháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Lý